

Trà Vinh, ngày 26 tháng 12 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc Phê duyệt Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng
tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2011 - 2020**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ và phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng;

Căn cứ Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 24/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành một số chính sách tăng cường công tác bảo vệ rừng;

Căn cứ Thông tư số 05/2008/TT-BNN ngày 14 tháng 01 năm 2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn lập quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Công văn số 815/BNN-TCLN ngày 23 tháng 3 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thẩm định quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa VIII - kỳ họp thứ 7 phê duyệt Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng, giai đoạn 2011 - 2020 và Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng, giai đoạn 2011 - 2015 tỉnh Trà Vinh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2011 - 2020, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu

- Thiết lập, quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững 19.342 ha đất lâm nghiệp và rừng được quy hoạch cho rừng phòng hộ, góp phần nâng độ che phủ của rừng từ 3,3% tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh (năm 2011) lên 3,6% năm 2015 (8.148 ha) và lên 4,6% (năm 2020), bảo vệ môi trường sinh thái cho phát triển kinh tế bền vững ở vùng ven biển, cửa sông của tỉnh Trà Vinh (nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, phát triển các khu công nghiệp, các cụm dân cư...);

- Ổn định sản xuất, đời sống khoảng hơn 3.000 hộ gia đình sống trong vùng đất quy hoạch cho lâm nghiệp và vùng phụ cận thông qua các mô hình sản xuất lâm - ngư kết hợp;

- Xã hội hóa ngành lâm nghiệp bằng giao khoán bảo vệ rừng, sản xuất lâm - ngư kết hợp, phát triển du lịch sinh thái, du lịch dưới tán rừng, chi trả dịch vụ môi trường rừng;

- Góp phần quan trọng ổn định an ninh chính trị - xã hội ở vùng ven biển của tỉnh Trà Vinh.

2. Nhiệm vụ

Các nhiệm vụ chủ yếu phát triển lâm nghiệp tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2011 - 2020 như sau:

2.1. Bảo vệ rừng

- Quản lý bảo vệ 7.463 ha rừng hiện có và rừng trồng mới sau thời gian chăm sóc 3 năm;

- Giao khoán bảo vệ rừng: Năm 2011 là 4.343 ha, năm 2015 là 7.508 ha, năm 2020 là 10.627 ha.

2.2. Phát triển rừng

- Trồng rừng mới 3.164 ha: giai đoạn 2011 - 2015 là 685 ha, giai đoạn 2016 - 2020 là 2.479 ha;

- Chăm sóc rừng trồng 10.473 ha: giai đoạn 2011 - 2015 là 2.008 ha, giai đoạn 2016 - 2020 là 8.465 ha;

- Trồng cây phân tán 9 triệu cây: giai đoạn 2011 - 2015 là 5,774 triệu cây, giai đoạn 2016 - 2020 là 3,226 triệu cây;

- Chuyển hoá rừng tự nhiên và rừng trồng thành rừng giống tại 3 điểm (01 điểm tại khu rừng Long Khánh và 02 điểm tại Đông Hải);

- Xây dựng 1 vườn ươm bán ngập;

- Thí điểm các mô hình trồng cây trên vùng ngập úng.

2.3. Sử dụng rừng

- Quy hoạch phát triển du lịch sinh thái trên đất lâm nghiệp;

- Xây dựng phương án chi trả dịch vụ môi trường rừng;
- Sản xuất lâm - ngư kết hợp;
- Xây dựng các mô hình trình diễn về sản xuất nông - lâm, lâm - ngư kết hợp.

2.4. Xây dựng cơ bản

- Xây dựng trạm Kiểm lâm liên huyện; Hạt Kiểm lâm Duyên Hải, Trạm quản lý bảo vệ rừng (gồm 03 trạm: trạm 1, trạm 2, trạm 3 nằm trong khu rừng Long Khánh);
- Duy tu, bảo dưỡng hàng năm các nhà/trạm bảo vệ rừng;
- Đóng mốc ranh giới các tiểu khu rừng, hệ thống bảng tuyên truyền về bảo vệ rừng;
- Xây dựng cơ sở hạ tầng: Đào và nạo vét kênh mương, xây dựng cầu, xây dựng đường đal bê tông...;
- Xây dựng đài quan sát kết hợp phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ rừng.

2.5. Các nội dung khác

- Xây dựng cơ sở dữ liệu theo dõi diễn biến rừng, đất lâm nghiệp hàng năm;
- Điều tra, kiểm kê, lập hồ sơ rừng và đất lâm nghiệp;
- Thực hiện công tác khuyến lâm, khuyến ngư hàng năm;
- Thực hiện tuyên truyền - giáo dục - đào tạo;
- Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng chống cháy rừng.

3. Rà soát quy hoạch đất lâm nghiệp giai đoạn 2011 - 2020

3.1. Rà soát đất lâm nghiệp

Diện tích đất lâm nghiệp giai đoạn 2005 - 2010 là 26.896 ha, rà soát đất quy hoạch cho lâm nghiệp giai đoạn 2011 - 2020 như sau:

a) Đất chuyển ra khỏi đất lâm nghiệp, diện tích 8.183 ha, gồm:

(1) Đất để xây dựng Trung tâm Nhiệt điện Duyên Hải 294,11 ha, gồm các xã: Trường Long Hòa 57,71 ha, Dân Thành 236,4 ha;

(2) Đất thực hiện Dự án luồng cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu (Kênh đào, khu đổ đất) là 457,3 ha, gồm các xã: Long Toàn là 105 ha; Dân Thành là 352,3 ha;

(3) Đất xây dựng các khu tái định cư 345,11 ha, gồm các xã: Dân Thành 228,25 ha; Long Khánh 81,0 ha; Đông Hải 6,0 ha và Long Toàn là 29,86 ha;

(4) Diện tích rừng bị xói lở do sóng biển là 20,6 ha tại huyện Duyên Hải thuộc các xã: Hiệp Thạnh 10,32 ha, Trường Long Hòa 8,35 ha, Dân Thành 0,14 ha, Đông Hải 1,79 ha;

(5) Chuyển đất đã nuôi trồng thủy sản trong rừng phòng hộ bằng hình thức lâm - ngư kết hợp sang nuôi tôm bằng phương pháp nuôi công nghiệp, diện tích là **3.278,63 ha**, phân theo các xã:

| | |
|-----------------|-------------|
| Hiệp Thạnh | 156,44 ha; |
| Trường Long Hòa | 218,40 ha; |
| Dân Thành | 255,22 ha; |
| Đông Hải | 186,57 ha; |
| Long Vĩnh | 170,0 ha; |
| Long Khánh | 530,0 ha; |
| Long Toàn | 1.762,0 ha. |

(6) Chuyển đất trồng cây nông nghiệp trên các giồng cát, đất diêm nghiệp, đất thổ cư, đất nuôi trồng thủy sản đã canh tác ổn định từ nhiều năm trước đây, thuộc huyện Duyên Hải ra khỏi đất lâm nghiệp diện tích **3.787,91 ha**, bao gồm các xã:

| | |
|-----------------|-------------|
| Hiệp Thạnh | 265,03 ha; |
| Trường Long Hòa | 542,72 ha; |
| Dân Thành | 1.273,2 ha; |
| Đông Hải | 69,58 ha; |
| Long Vĩnh | 180,0 ha; |
| Long Khánh | 165,0 ha; |
| Long Hữu | 703,55 ha; |
| Long Toàn | 588,83 ha. |

b) Diện tích đất bổ sung vào đất lâm nghiệp:

Diện tích rừng và bãi bồi ven biển, cửa sông quy hoạch đất lâm nghiệp là 630 ha, gồm:

- Diện tích rừng đã có ven các cù lao và ven sông Cổ Chiên thuộc các xã: Long Hòa, Hòa Minh và Hưng Mỹ (huyện Châu Thành), diện tích 288 ha;

- Diện tích các bãi bồi vùng cửa sông Cổ Chiên, xung quanh các cồn, diện tích 342 ha.

3.2. Quy hoạch rừng phòng hộ

Diện tích đất quy hoạch cho lâm nghiệp giai đoạn 2011 - 2020 là 19.342 ha, chức năng của rừng: rừng phòng hộ, phân cấp phòng hộ:

- Khu vực phòng hộ rất xung yếu 3.914 ha (chiếm 20%);

- Khu vực phòng hộ xung yếu 15.428 ha (chiếm 80%).

4. Các chỉ tiêu khối lượng bảo vệ và phát triển rừng

Các chỉ tiêu bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2011 - 2020 như sau:

- Bảo vệ rừng: 84.256 ha, bình quân 8.426 ha/năm;
- Phát triển rừng:
 - + Trồng rừng: 3.164 ha, gồm: trồng rừng phi lao 87 ha, trồng rừng bản 528 ha, trồng rừng đước 172 ha, trồng rừng bằng các loài cây khác 2.377 ha;
 - + Chăm sóc rừng trồng, diện tích 10.473 ha, gồm: chăm sóc rừng trồng năm 1 là 3.313 ha, chăm sóc rừng trồng năm 2 là 3.505 ha, chăm sóc rừng trồng năm 3 là 3.655 ha;
 - + Trồng cây phân tán: 9 triệu cây;
 - + Xây dựng cơ sở hạ tầng:
 - Xây dựng trạm Kiểm lâm liên huyện: 150 m²;
 - Xây dựng hạt Kiểm lâm Duyên Hải (200 m² x2 hạt): 400 m²;
 - Xây dựng Trạm quản lý bảo vệ rừng: 03 trạm;
 - Xây dựng chốt bảo vệ rừng: 03 chốt;
 - Tu sửa 03 trạm Kiểm lâm;
 - Nhà để ghe: 04 cái;
 - Đóng mốc ranh giới, mốc tiểu khu: 200 mốc;
 - Xây dựng bảng tuyên truyền bảo vệ rừng: 15 bảng;
 - Bảng chỉ dẫn: 5 cái;
 - Đài quan sát phòng, chống cháy rừng: 2 cái;
 - Xây dựng cầu qua kênh: 4 cái;
 - Đào và nạo vét kênh mương: 3.000 m;
 - Nâng cấp đường, trải đan bê tông: 11.197 m.
 - + Xây dựng vườn ươm bán ngập: 1 vườn;
 - + Chuyển hoá rừng giống: 3 điểm (1 điểm tại khu rừng Đước thuộc Ban Quản lý rừng Long Khánh và 2 điểm tại xã Đông Hải);
 - + Nghiên cứu, xây dựng các mô hình trình diễn khuyến lâm: Xây dựng mô hình sản xuất lâm - ngư gắn với quản lý, bảo vệ rừng: 4 mô hình, Xây dựng mô hình trình diễn nuôi tôm, cua, ba khía, mô hình trồng rừng thử nghiệm trong vuông tôm 0,2 ha;
 - + Xây dựng cơ sở dữ liệu và theo dõi diễn biến rừng, đất lâm nghiệp hàng năm: 1 dự án;
 - + Điều tra, kiểm kê, lập hồ sơ rừng và đất lâm nghiệp, diện tích 19.342 ha;
 - + Xây dựng dự án chi trả dịch vụ môi trường rừng, diện tích 19.342 ha;
 - + Lập dự án bảo vệ và phát triển rừng các Ban Quản lý rừng cơ sở: Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Duyên Hải, Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Châu Thành, Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Cầu Ngang, Ban Quản lý khu bảo tồn hệ sinh thái rừng ngập mặn Long Khánh;

+ Xây dựng dự án quy hoạch phát triển du lịch sinh thái/du lịch dưới tán rừng trên đất lâm nghiệp, diện tích 19.342 ha;

+ Thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ rừng, đào tạo nghiệp vụ chuyên môn hàng năm cho cán bộ, viên chức và cộng đồng;

+ Mua sắm các trang thiết bị phục vụ bảo vệ, phát triển rừng và công tác quản lý.

5. Ước tính vốn đầu tư bảo vệ và phát triển rừng đến năm 2020

Tổng vốn đầu tư các hoạt động lâm nghiệp tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2011 - 2020 là 107.390.000.000 đồng (Một trăm lẻ bảy tỷ, ba trăm chín mươi triệu đồng). Trong đó:

5.1. Phân theo giai đoạn

- Giai đoạn 2011 - 2015 là 46.014 triệu đồng;

Năm 2011: 3.455 triệu đồng, ngân sách Trung ương: 2.977 triệu đồng; ngân sách địa phương: 478 triệu đồng;

Năm 2012: 6.860 triệu đồng, ngân sách Trung ương: 6.382 triệu đồng; ngân sách địa phương: 478 triệu đồng;

Năm 2013: 15.943 triệu đồng, ngân sách Trung ương: 13.188 triệu đồng; ngân sách địa phương: 2.755 triệu đồng;

Năm 2014: 9.518 triệu đồng, ngân sách Trung ương: 8.697 triệu đồng; ngân sách địa phương: 821 triệu đồng;

Năm 2015: 10.238 triệu đồng, ngân sách Trung ương: 9.112 triệu đồng; ngân sách địa phương: 1.126 triệu đồng.

- Giai đoạn 2016 - 2020: 61.376 triệu đồng.

5.2. Phân theo các hạng mục đầu tư

- Bảo vệ rừng: 25.277 triệu đồng;

- Trồng rừng: 32.358 triệu đồng;

- Chăm sóc rừng trồng: 10.302 triệu đồng;

- Trồng cây phân tán: 8.992 triệu đồng;

- Xây dựng cơ sở hạ tầng: 14.588 triệu đồng;

- Nghiên cứu, xây dựng các mô hình trình diễn khuyến lâm: 720 triệu đồng;

- Xây dựng cơ sở dữ liệu theo dõi diễn biến rừng, đất lâm nghiệp hàng năm: 240 triệu đồng;

- Điều tra, kiểm kê và lập hồ sơ rừng, đất lâm nghiệp: 1.934 triệu đồng;

- Lập dự án chi trả dịch vụ môi trường rừng: 1.934 triệu đồng;

- Lập dự án bảo vệ và phát triển rừng các Ban Quản lý rừng cơ sở: 800 triệu đồng;

- Phát triển du lịch sinh thái: 342 triệu đồng;

- Kinh phí tuyên truyền - giáo dục - đào tạo: 394 triệu đồng;
- Mua sắm máy móc thiết bị: 1.816 triệu đồng;
- Quản lý (10% đầu tư lâm sinh): 7.693 triệu đồng.

5.3. Phân theo nguồn vốn

- Vốn ngân sách Trung ương: 95.888 triệu đồng (chiếm 89%);
- Vốn ngân sách địa phương: 11.502 triệu đồng (chiếm 11%).

6. Các giải pháp thực hiện

6.1. Tổ chức quản lý

- Hoàn thiện bộ máy tổ chức, quản lý sản xuất của ngành lâm nghiệp từ tỉnh đến cấp cơ sở; sắp xếp lại các ban quản lý rừng cơ sở, bổ sung đủ cán bộ, viên chức của các đơn vị quản lý rừng; phối hợp với lực lượng bộ đội biên phòng, chính quyền các xã có đất lâm nghiệp và các hộ gia đình, các tổ chức xã hội tham gia quản lý, bảo vệ rừng, thực hiện xã hội hóa nghề rừng trên địa bàn tỉnh.

- Tiến hành rà soát việc sử dụng đất lâm nghiệp toàn tỉnh nhằm triển khai tốt quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng đến năm 2020, thực hiện chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật về đất đai và bảo vệ rừng.

- Hoàn thành việc thiết lập lâm phần ổn định theo hệ thống tiểu khu, khoảnh, lô, với mốc và ranh giới rõ ràng trên bản đồ và thực địa. Thực hiện việc kiểm kê đánh giá chi tiết hiện trạng những vùng chuyển đổi ra ngoài đất lâm nghiệp. Quản lý bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có và thực hiện nghiêm các quy định về nuôi trồng thủy sản trong đất lâm nghiệp. Chủ động tăng cường huy động nguồn vốn đầu tư từ các tổ chức, cá nhân vào lĩnh vực sử dụng giá trị môi trường và cảnh quan của rừng. Tổ chức liên doanh để thực hiện các hoạt động du lịch sinh thái, sử dụng lâm sản ngoài gỗ, nghiên cứu khoa học bảo vệ đa dạng sinh học theo đúng quy định. Đến cuối kỳ quy hoạch, về cơ bản tất cả diện tích rừng (rừng tự nhiên, rừng trồng) và đất lâm nghiệp được giao khoán bảo vệ cho các thành phần kinh tế theo đúng quy định của pháp luật.

- Tăng cường các biện pháp phòng, chống phá rừng, cháy rừng, tổ chức tốt lực lượng bảo vệ rừng đến đơn vị xã. Tăng cường công tác tuần tra bảo vệ rừng có sự phối hợp tốt của lực lượng kiểm lâm, đơn vị chủ rừng với các hộ nhận khoán bảo vệ rừng. Đồng thời, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức bảo vệ rừng cho nhân dân bằng các hình thức tổ chức phong phú, phù hợp, nhất là ở khu vực trọng điểm.

- Đảm bảo chất lượng, hiệu quả việc trồng rừng tập trung trên đất trống chưa có rừng, trên các bãi bồi và trồng các loại cây phân tán bằng các loại cây trồng phù hợp với vùng sinh thái và mục tiêu sử dụng rừng. Tập trung bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển, chống xói lở, cồn cát, các bãi bồi.

6.2. Khoa học và công nghệ

Quản lý rừng và tài nguyên rừng bằng công nghệ thông tin, nâng cao năng lực cho cán bộ lâm nghiệp sử dụng công nghệ tin học thông qua đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, sử dụng các thiết bị tiên tiến trong phòng, chống cháy rừng.

6.3. Chính sách quản lý rừng và đất lâm nghiệp

- Mức khoán cho quản lý bảo vệ rừng là 500.000 đ/ha/năm. Trong đó, vốn Trung ương 200.000 đ/ha/năm, vốn ngân sách địa phương hỗ trợ 300.000 đ/ha/năm để tạo điều kiện cải thiện thu nhập của người tham gia bảo vệ rừng.

- Thực hiện tốt chính sách khuyến khích trồng rừng, cây lâm nghiệp trong các ao/đầm nuôi trồng thủy sản, nâng độ che phủ của cây lâm nghiệp trên đất trồng, chưa có rừng tại khu vực rừng phòng hộ rất xung yếu là 100%, vùng phòng hộ xung yếu từ 55% trở lên nhằm đảm bảo duy trì sự ổn định về diện tích rừng tại vùng ven biển, cửa sông, gia tăng các chức năng phòng hộ, cung cấp các nguồn giống thủy sản.

- Khuyến khích việc cho thuê rừng, môi trường rừng nhằm tạo nguồn thu phục vụ bảo vệ, phát triển rừng, sử dụng rừng đa mục đích.

6.4. Chính sách thu hút đầu tư

Đơn giản hóa các thủ tục hành chính đối với các dự án thuê rừng, thuê môi trường rừng; có chính sách khuyến khích các nhà đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển du lịch sinh thái theo đúng quy định của pháp luật.

6.5. Phát triển nguồn nhân lực

Thường xuyên bồi dưỡng, đào tạo bổ sung đội ngũ cán bộ lâm nghiệp, có chính sách đào tạo và thu hút nhân tài đối với ngành lâm nghiệp.

Điều 2. Căn cứ các nội dung Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2011 - 2020 được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, Giám đốc các Sở, Ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện các công việc có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của mình. Trước mắt, cần tập trung phối hợp chỉ đạo thực hiện các vấn đề trọng tâm như sau:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở ngành, địa phương liên quan:

- Công bố công khai quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng theo đúng quy định của pháp luật;

- Bàn giao thành quả Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2011 - 2020 đến các huyện có rừng và các Ban Quản lý dự án cơ sở;

- Thực hiện các chỉ tiêu bảo vệ và phát triển rừng theo đúng quy hoạch được duyệt;

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra thường xuyên để kịp thời phát hiện, xử lý các trường hợp vi phạm việc thực hiện quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh.

- Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện quy hoạch này và báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh vào quý IV năm cuối của kỳ kế hoạch để gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, xã có rừng cập nhật diện tích quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng nêu trên vào quy hoạch sử dụng đất tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2011 - 2020;

- Chủ trì và chỉ đạo đơn vị trực thuộc tổ chức triển khai lập quy hoạch sử dụng đất chi tiết đối với toàn bộ diện tích được quy hoạch chuyển mục đích sử dụng đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Đối với diện tích chuyển mục đích sử dụng từ đất lâm nghiệp sang đất phi nông nghiệp để xây dựng các công trình được nêu tại tiết a điểm 3.1 khoản 3 Điều 1 của Quyết định này, căn cứ vào tiến độ thực hiện của từng công trình, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất đúng quy định của Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, Luật Đất đai và theo hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính:

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cân đối và bố trí vốn, tính toán các nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn khác để thực hiện có hiệu quả các nội dung quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh;

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Tổ chức quản lý Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2011 - 2020 được phê duyệt, đúng thẩm quyền và đúng quy định của pháp luật.

- Chỉ đạo việc xây dựng Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng cấp huyện theo quy định tại Thông tư số 05/2008/TT-BNN ngày 14 tháng 01 năm 2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và phù hợp với Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh.

5. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có diện tích đất lâm nghiệp:

- Triển khai thực hiện tốt các nội dung của Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng được phê duyệt tại Quyết định này; căn cứ nội dung quy hoạch tổ chức lập các Dự án Bảo vệ và phát triển rừng cho các Ban Quản lý rừng cơ sở;

- Thực hiện trách nhiệm quản lý Nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp theo Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành một số chính sách tăng cường công tác bảo vệ rừng;

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thống kê; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc

các Ban Quản lý rừng cơ sở; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ NN&PTNT;
- Tổng cục Lâm nghiệp;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- CVP, các PCVP.UBND tỉnh;
- Các PNC;
- Lưu: VT, NN. *đư ban*

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *TĐ*



[Handwritten Signature]

Nguyễn Văn Phong